

# LÝ GIẢI BẠO LỰC GIỚI TỪ MỘT SỐ TIẾP CẬN VỀ QUYỀN LỰC GIỚI

PHAN THUẬN\*

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích nội dung các cách tiếp cận quyền lực giới nhằm giải thích nguyên nhân của bạo lực trên cơ sở giới. Bài viết đưa ra ba cách tiếp cận: học thuyết của Mác-Ăngghen, thuyết nữ quyền và lý thuyết tương tác biểu trưng. Bài viết chỉ ra rằng, sự khác biệt về quyền lực giới là nguy cơ dẫn đến bạo lực giới, trong đó có bạo lực gia đình. Do đó, để hạn chế bạo lực giới, cần phải xây dựng và phát triển quan hệ giới một cách bình đẳng.

**Từ khóa:** bạo lực giới; bạo lực gia đình; quyền lực giới; tiếp cận quyền lực giới.

**Abstract:** This article aims to analyze different gender power approaches in order to explain the causes of gender-based violence. The article focuses on three approaches: Marx-Angels theory, feminist theory and symbolic interactionism theory. It points out that the unbalance in gender power is a significant cause of gender-based violence forms, including domestic violence. Therefore, to reduce gender-based violence, it is necessary to build and develop gender-equal relations.

**Key words:** gender-based violence; domestic violence; gender power; gender power approach.

## 1. Đặt vấn đề

Bạo lực trên cơ sở giới (Bạo lực giới) là một hình thức phân biệt đối xử; là bạo lực nhằm vào một người trên cơ sở giới tính của họ hoặc gây ra bất bình đẳng với phụ nữ. Theo Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), bạo lực giới bao gồm các hành động gây đau đớn về thể xác, tinh thần hay tình dục, bao gồm cả sự đe dọa thực hiện những hành động này, sự cưỡng bức hay tước đoạt tự do dưới các hình thức khác nhau (Ủy ban CEDAW, 1992). Có thể thấy, phân biệt đối xử theo giới là một trong những nguyên nhân dẫn đến bạo lực giới.

Bạo lực giới là hiện tượng phổ biến và phức tạp, thể hiện dưới nhiều hình thức, từ bạo lực gia đình đến quấy rối tình dục, xâm hại tình dục và nhiều hình thức khác như buôn bán người, các tập tục có hại cho phụ nữ, tảo hôn... Nạn nhân của bạo lực giới bao gồm phụ nữ, trẻ em gái, trẻ em trai, người chuyển giới, đồng tính, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số. Có thể nói, bất kỳ ai cũng có thể trở thành nạn nhân của bạo lực giới, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em gái (Liên Hợp Quốc, 2014).

\* Học viện Chính trị khu vực IV, thành phố Cần Thơ

Nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ năm 2010 cho thấy, có 58% phụ nữ từng lập gia đình/có bạn tình trong cuộc đời họ đã từng chịu ít nhất một hình thức bạo lực (thể chất, tinh thần hoặc tình dục); trong đó có 32% cho rằng đã từng chịu bạo lực thể xác; 54% cho rằng họ đã từng bị lạm dụng tinh thần; chỉ có 3% số phụ nữ được hỏi cho biết đã bạo hành chồng (Tổng cục Thống kê & UNDP 2010). Một bảng chứng khác cũng cho thấy rằng, phụ nữ có xác suất bị bạo lực gia đình nhiều hơn 2,8 lần nếu họ đã từng bị bạo lực tình dục khi còn nhỏ và có xác suất bị bạo lực gia đình nhiều hơn 5,8 lần nếu họ đã từng bị bạo lực tình dục do một người không phải là bạn tình gây ra khi lớn lên (từ 15 tuổi trở lên) (dẫn theo Liên Hiệp Quốc, 2014, tr. 17). Tình trạng này đã để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng đối với nạn nhân, bao gồm suy yếu sức khỏe, tổn thất về tài chính/ kinh tế, xã hội và sự phát triển của cá nhân và tăng nguy cơ gặp phải các loại hình bạo lực khác. Điều quan trọng là những hậu quả này kéo dài trong suốt cuộc đời của người bị tác động và có thể duy trì sang cả các thế hệ tương lai (Liên Hiệp Quốc, 2014, tr. 21).

Như vậy, bạo lực giới đã trở thành một trong những vấn đề xã hội cần được quan tâm. Vấn đề này trong thời gian qua được nhiều nhà nghiên cứu tìm hiểu về thực trạng, nguyên nhân và cũng chỉ rõ rất nhiều nguồn gốc. Nguyên nhân của hiện tượng bạo lực giới xuất phát từ bất bình đẳng về quyền lực, đặc biệt là quyền lực giới.

## **2. Một số cách tiếp cận về quyền lực giới**

Quyền lực là khái niệm tồn tại rất lâu đời trong lịch sử. Có thể nói, các nhà nghiên cứu về quyền lực đều đưa ra những đặc điểm chung rằng, quyền lực là khả năng tác động của chủ thể này đối với chủ thể khác thông qua một hoặc một số phương tiện nhất định nào đó. Trong lĩnh vực xã hội, M. Weber đã khẳng định quyền lực là cơ hội mà một người hay một nhóm người thực hiện ý chí của họ trong một hành động cộng đồng, thậm chí chống lại sự kháng cự của những người đang tham gia trong hành động đó (Lê Ngọc Hùng, 2009, tr. 212). Như vậy, trong khái niệm này, M.Weber đã chỉ ra hai điều kiện cơ bản của quyền lực: thứ nhất, cả hai bên gồm người có quyền lực và người bị quyền lực chi phối đều phải tham gia hành động xã hội; thứ hai, người có quyền lực là người phải có vị trí nhất định trong cộng đồng xã hội.

Theo M.Weber, quyền lực giới là khả năng nam giới hay nữ giới thực hiện ý chí của mình bất chấp sự kháng cự của nữ giới hay nam giới (Lê Ngọc Hùng, 2008). Điều này cho thấy, thứ nhất, quyền lực giới là một trong những quyền lực mà cá nhân hay nhóm người có thể sử dụng để thực hiện ý chí của mình bất chấp sự chống đối của người khác; thứ hai, quyền lực này chỉ xuất hiện trong mối quan hệ giữa hai giới nam và nữ thể hiện ý chí của mình bất chấp sự chống đối của nữ hoặc nam; thứ ba, không phải mối quan hệ nào giữa nam và nữ cũng là quan hệ quyền lực giới bởi khái niệm quyền lực nói chung đòi hỏi ít nhất hai yếu tố cấu thành là sức mạnh để thể hiện ý chí và sự chấp nhận, mặc dù có kháng cự, chống đối. Do đó, cũng giống như đồng tiền, quyền lực giới luôn có hai mặt, đó là kháng cự và tuân theo.

## 2.1 Học thuyết Marx về quan hệ giới trong gia đình

Chế độ sở hữu tư nhân ra đời cùng với việc xác lập gia đình cá thể và chế độ hôn nhân một vợ một chồng. Sự phân công lao động theo giới đã thay đổi. Theo Ph. Ăngghen, phụ nữ tiếp tục làm công việc nhà với những chiếc nồi bằng gốm, những chiếc áo khâu bằng sợi từ vỏ cây. “Nhưng nó đã làm mất hết ý nghĩa của nó so với lao động sản xuất của người đàn ông, lao động sản xuất của người đàn bà chỉ là sự đóng góp không đáng kể” (C.Mác & Ph.Ăngghen, 1984, tập 6, tr. 249). Vai trò của người đàn ông cũng có những thay đổi so với trước. Họ không chỉ tìm kiếm thức ăn, chế tác công cụ mà họ còn là những thương gia. Cùng với điều đó là giá trị của bản thân người đàn ông cũng được đánh giá cao hơn rất nhiều so với giá trị của người phụ nữ - nhân vật trung tâm của quyền lực gia đình và xã hội trong thời kỳ trước đây.

Về mối quan hệ giới trong gia đình, Ph. Ăngghen đã nghiên cứu những mâu thuẫn vốn có của gia đình một vợ một chồng dưới chế độ tư hữu, đặc biệt trong xã hội tư sản. Những mâu thuẫn này có nguyên nhân kinh tế với vai trò trụ cột của nam giới đối với gia đình: “ngày nay trong phần lớn các trường hợp, người chồng phải kiếm ra tiền, phải là người nuôi dưỡng gia đình, ít ra cũng là trong các giai cấp có của và điều đó mang lại cho người đàn ông một địa vị thống trị mà không cần phải có một đặc quyền pháp luật nào cả. Trong gia đình, người chồng được ví như nhà tư sản, người vợ đại diện cho giai cấp vô sản (C.Mác & Ph. Ăngghen, 1984, tập 6, tr. 118).

Như vậy, quan niệm này đã phản ánh quyền lực gia đình thường do nam giới nắm giữ. Chính vì thế, đã dẫn đến hệ lụy trong xã hội là phụ nữ thường bị hạ thấp và lên án gay gắt khi vi phạm chuẩn mực, đạo đức xã hội. Ph. Ăngghen đã lên án rằng “cái gì là tội lỗi đối với phụ nữ và đưa lại những hậu quả pháp luật, xã hội nghiêm trọng thì ở người đàn ông lại được coi là một điều rất vinh dự, hoặc tệ lắm cũng chỉ là một vết nhơ còn con về đạo đức mà người ta vui thích nhận lấy” (C. Mác & Ph. Ăngghen, 1984, tập 6, tr. 119). Một hệ lụy nữa cho thấy, trong quan hệ hôn nhân, sự chung thủy là một giá trị bắt buộc đối với người phụ nữ nhưng nam giới thì không, bởi theo Ăngghen “sự tồn tại của chế độ nô lệ bên cạnh chế độ một vợ một chồng, sự có mặt của những người nô lệ trẻ, đẹp, thuộc về người đàn ông cả tâm hồn và thể xác là điều mà ngay từ đầu đã khiến cho chế độ một vợ một chồng có được tính chất đặc biệt là một vợ một chồng chỉ riêng đối với người đàn bà, chứ không phải đối với người đàn ông. Và cho đến nay, chế độ một vợ một chồng vẫn còn giữ tính chất ấy” (C. Mác & Ph. Ăngghen, 1984, tập 6, tr. 103).

Có thể nói, quan hệ giới trong tác phẩm “*Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của Nhà nước*” của Ph. Ăngghen đã cho thấy quyền lực trong gia đình thường nghiêng về nam giới bởi theo ông, chế độ hôn nhân cá thể thực chất là sự nô dịch của giới này đối với giới kia, sự đối lập giai cấp đầu tiên trong lịch sử trùng với sự đối kháng giữa vợ và chồng trong chế độ hôn nhân cá thể; sự áp bức giai cấp đầu tiên trùng với sự nô dịch của đàn ông với đàn bà (C. Mác & Ph. Ăngghen, 1984, tập 6, tr. 106).

Nền tảng lý thuyết về quan hệ giới trong nghiên cứu này giúp giải thích rõ hơn mô hình quyền lực của vợ chồng từ truyền thống đến hiện đại trong gia đình Việt Nam nói

chung. Các nghiên cứu về gia đình trước đây chỉ ra rằng, mô hình quyền lực giới trong gia đình Việt Nam thường nghiêng về nam giới và mô hình này có sự thay đổi theo thời gian và không gian sống. Mặc dù vậy, nam giới dường như vẫn có nhiều quyền lực hơn, đặc biệt là ở nông thôn. Điều này khiến cho phụ nữ phải chịu lép vế, chịu sự chi phối và kiểm soát của nam giới trong gia đình. Vì thế, khi quyền lực trong tay của nam giới, việc sử dụng quyền lực thông qua hành động là điều không thể tránh khỏi, nguy cơ bạo lực gia đình là rất cao. Việc giải thích về quan hệ giới theo tiếp cận của học thuyết Mác - Ăngghen giúp cho các nhà nghiên cứu có thể lý giải nguồn gốc sâu xa của bạo lực gia đình nói riêng, bạo lực giới nói chung trong bối cảnh hiện nay. Dựa trên cách tiếp cận này, để hạn chế tình trạng bạo lực giới, cần phải đưa ra nhiều giải pháp tạo ra sự ngang bằng về quyền lực giới.

## **2.2. Quyền lực giới theo hướng tiếp cận của Lý thuyết nữ quyền**

Vào cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ thứ XIX, các phong trào nữ quyền ra đời ở các nước phương Tây. Nữ quyền là tập hợp của những phong trào và quan điểm với mục tiêu nhận diện, thiết lập và đạt thành tựu về bình đẳng chính trị, kinh tế, văn hóa, dân tộc và quyền xã hội cho phụ nữ (Hawkesworth, 2006; Chris, 1999). Điều này bao gồm sự tìm kiếm thiết lập bình đẳng cơ hội cho phụ nữ trong giáo dục và việc làm. Các nhà nữ quyền ủng hộ hoặc hỗ trợ những quyền và sự bình đẳng của phụ nữ (Bell, 2000). Lịch sử cho thấy, các phong trào nữ quyền luôn hướng tới thúc đẩy quyền của phụ nữ, bao gồm quyền bầu cử, quyền được nắm giữ các vị trí lãnh đạo, quản lý trong khu vực công, quyền làm việc, quyền trả lương ngang bằng, quyền sở hữu tài sản, quyền giáo dục, quyền tham gia ký hợp đồng, quyền bình đẳng trong hôn nhân và quyền được nghỉ thai sản... Các nhà nữ quyền cũng đấu tranh nhằm nâng cao giá trị bản thân và bảo vệ phụ nữ, bảo vệ trẻ em khỏi các hình thức bạo lực giới như hiếp dâm, bạo lực gia đình và xâm hại tình dục (Alice, 1989). Điều này đã đảm bảo quyền phụ nữ trên nhiều lĩnh vực trong đời sống xã hội.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của nữ quyền là xây dựng khung lý thuyết, cho phép nhìn nhận, mô tả và đánh giá tình trạng, vị thế phụ thuộc của phụ nữ, cung cấp luận giải về nguồn gốc, nguyên nhân sâu xa của vấn đề và đề xuất giải pháp cải thiện tình trạng bất bình đẳng giữa nam và nữ trên thực tế. Từ đó, hình thành khung lý thuyết nữ quyền cũng như cung cấp phương pháp luận, thông tin phân tích và góp phần định hướng, nâng cao tính hiệu quả phong trào xã hội nhằm cải thiện tình trạng bất bình đẳng (bị áp bức, phân biệt đối xử) của phụ nữ và hướng tới mục tiêu bình đẳng nam, nữ trong gia đình và xã hội (Ngô Thị Tuấn Dung, 2007).

Mặc dù có nhiều trường phái nữ quyền lý giải về tính gia trưởng; song các nhà nữ quyền đã thống nhất với nhau rằng, trong chế độ gia trưởng, người đàn ông luôn được xem là “siêu việt”. Phụ nữ bị kiểm soát bởi đàn ông và là một phần tài sản của người đàn ông. Sự kiểm soát đó thông qua các lĩnh vực pháp luật, kinh tế, chính trị... Họ cho rằng, hầu hết hệ thống chính trị trong xã hội, ở tất cả các cấp độ đều do người đàn ông chi phối từ các hội đồng làng xã cho đến nghị viện. Chỉ một số ít phụ nữ trong các đảng hoặc tổ chức chính trị quyết định số phận của đất nước. Thậm chí trong số phụ nữ có chức vụ chính trị quan trọng thì ban đầu họ cũng có sự dẫn dắt của đàn ông (Lê Ngọc Văn, 2006).



Các nhà nữ quyền cũng đã phân tích mối quan hệ bất bình đẳng về quyền lực trong gia đình. Theo tác giả Lê Ngọc Văn (2006), gia đình đóng vai trò tạo ra hệ thống tôn ti trật tự và giữ trật tự trong xã hội, bởi vì gia đình không chỉ phản chiếu trật tự nhà nước và giáo dục con cái của họ, tuân thủ trật tự đó mà còn tạo ra và củng cố vững chắc trật tự này. Hay nói cách khác, quyền lực trong gia đình được củng cố thông qua quá trình tương tác giữa các thành viên của gia đình. Cơ sở của quyền lực bất bình đẳng trong gia đình là do sự kiểm soát của đàn ông đối với cuộc sống của phụ nữ. Theo Bhasin (1993), đàn ông kiểm soát cuộc sống của phụ nữ thông qua các mặt: (1) kiểm soát quyền sản xuất và lao động của phụ nữ; (2) kiểm soát quyền tái sản xuất của phụ nữ và (3) kiểm soát toàn bộ tình dục của phụ nữ (xem Lê Ngọc Văn, 2006). Chính sự kiểm soát đó đã tạo ra mối quan hệ không bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới trong gia đình. Hệ quả của nó là bạo lực gia đình. Bởi lẽ, bạo lực thể chất của đàn ông chống lại phụ nữ trong gia đình thường gắn với quyền kiểm soát của đàn ông về kinh tế (xem Lê Ngọc Văn, 2006, tr. 74).

Thực tế cho thấy, trong gia đình đã có sự bàn bạc giữa hai vợ chồng nhưng ra quyết định chính đối với các công việc quan trọng vẫn là của người chồng (Văn Thị Cúc, 2007, tr. 42), thậm chí dù người vợ có nhiều đóng góp trong gia đình nhưng người chồng vẫn đóng vai trò quyết định (Mai Huy Bích & Lê Thị Kim Lan, 1999; Phan Thuận, 2018). Khác biệt về vị thế kinh tế giữa vợ và chồng có vai trò quan trọng hơn các khác biệt về vị thế xã hội đối với quyền ra quyết định trong gia đình (Phan Thuận, 2018; Nguyễn Hữu Minh & Trần Thị Minh Thi, 2019). Tuy nhiên, quan niệm truyền thống coi nam giới là người nên chịu trách nhiệm chính trong việc đưa ra các quyết định quan trọng của gia đình có ý nghĩa quan trọng trong định hướng các khuôn mẫu ra quyết định trong thực tế (Nguyễn Hữu Minh & Trần Thị Minh Thi, 2019). Như vậy, mô hình quyền lực trong gia đình thường gắn với sự kiểm soát và tiếng nói của phụ nữ và nam giới, ai có quyền kiểm soát càng nhiều thì quyền lực sẽ thuộc về phía người đó. Thông thường, trong gia đình truyền thống, người đàn ông có quyền lực hơn phụ nữ và điều này dường như vẫn còn hiện hữu ở gia đình Việt Nam trong bối cảnh hội nhập.

Từ cách tiếp cận trên cho thấy, bạo lực gia đình, bạo lực giới diễn ra là do bất bình đẳng về quyền lực giữa nam giới và nữ giới trên các phương diện của đời sống xã hội, đặc biệt ở phương diện kinh tế. Khi có quyền lực trong tay và được xã hội thừa nhận quyền lực đó, nam giới có quyền kiểm soát người phụ nữ trong gia đình. Vì thế, một nghiên cứu ở Việt Nam đã từng khẳng định rằng, nhiều ông chồng coi giấy đăng ký kết hôn là “giấy phép đánh vợ” (Mai Huy Bích, 2009, tr. 111). Do đó, việc hạn chế bạo lực giới cần phải quan tâm đến sự độc lập tương đối của phụ nữ trong gia đình và xã hội.

### **2.3 Quyền lực giới từ hướng tiếp cận Lý thuyết tương tác biểu trưng**

Lý thuyết tương tác - biểu trưng, gắn với các công trình nghiên cứu của Mead, Goffman và Becker, tập trung vào những sự kiện vi mô tạo nên các tương tác hàng ngày nhằm mục đích tìm hiểu các trải nghiệm cá nhân và hiểu về thế giới xã hội của họ, cũng như tìm hiểu cách thức mà những con người khác nhau cùng chia sẻ một định nghĩa chung về thực tại. Lý thuyết tương tác - biểu trưng có nền tảng là tiền đề cho rằng chỉ thông qua hành vi xã hội của các cá nhân xã hội mới có thể tồn tại và như vậy, xã hội suy cho cùng là cái được tạo dựng,

duy trì và biến đổi nhờ các tương tác xã hội của những thành viên trong nó. Do con người giao tiếp với nhau thông qua các biểu tượng, nên tương tác giữa người với người là dựa trên những ý nghĩa mà các cá nhân truyền tải vào các biểu tượng đó (xem Lê Ngọc Hùng & Phạm Tất Dong, 1997).

Thuyết tương tác - biểu trưng nhấn mạnh vào khả năng của các cá nhân trong việc chuyển tải các biểu trưng vào hành động của mình một cách tích cực và khéo léo. Ngược lại, như đã đề cập ở phần trên, thuyết cấu trúc - chức năng gợi ý rằng cấu trúc xã hội là cái quyết định hành động của con người.

Cách tiếp cận này cho thấy, quan hệ giới trong gia đình là sản phẩm của quá trình tương tác giữa các cá nhân nam và nữ trong xã hội Việt Nam. Quá trình tương tác này lại chịu sự chi phối của các quy tắc, biểu tượng, các ký hiệu và bộc lộ thông qua ngôn ngữ, hành vi, cử chỉ, điệu bộ và suy nghĩ... trong quá trình giao tiếp. Quá trình giao tiếp hàng ngày đã hình thành nên một phức hợp các biểu trưng mang ý nghĩa chung có tác dụng phân định địa vị, vai trò và hành vi của mỗi giới. Chẳng hạn, cặp đại từ nhân xưng “anh - em” trong quan hệ vợ chồng cũng thể hiện ý nghĩa của vị thế và tương ứng là các vai trò của mỗi người. Như vậy, người nữ thường có mô hình giao tiếp, ứng xử tương ứng với vị thế thấp hơn, lệ thuộc, và “yếu” hơn người nam (Lê Thị Thục, 2014).

Có thể nói, khi thực hiện chuỗi hành vi giao tiếp với nhau trong quá trình tương tác, mỗi cá nhân sẽ được gán cho một khuôn mẫu hành vi và buộc mỗi cá nhân phải thực hiện. Nếu làm sai với quy định đó thì bị xã hội lên án. Cho nên, trong gia đình Việt Nam, vấn đề quyền lực giới đã được xã hội truyền thống quy định rằng, người chồng có uy quyền rất cao và người vợ phải tuân thủ một cách tuyệt đối. Mặc dù mối quan hệ này trong xã hội hiện đại đã có sự thay đổi ít nhiều dưới sự tác động của nhiều yếu tố kinh tế, văn hóa và chính trị. Song, tình trạng “chồng chúa, vợ tôi” vẫn còn hiện hữu trong một bộ phận gia đình.

Từ những phân tích của lý thuyết tương tác biểu trưng cho thấy, hành vi, cử chỉ của mỗi cá nhân được thể hiện qua tương tác xã hội. Xã hội đã tạo điều kiện được coi là mạnh mẽ, có uy quyền trong gia đình và phụ nữ phải yếu đuối, phục tùng mệnh lệnh của người chồng. Chính điều này đã dẫn đến việc cán cân quyền lực giới thường thiên về người chồng và cho phép họ sử dụng uy quyền đó đối với người bạn đời, con cái của họ. Bởi lẽ, bạo lực đóng vai trò quan trọng trong quan niệm nam tính và trong mối liên hệ giữa cái gọi là nam tính với là bạo lực, có nghĩa là phải dùng bạo lực mới thể hiện nam tính (Mai Huy Bích, 2009, tr. 110). Một nghiên cứu ở Huế cho thấy, nam giới thường có quan niệm nam tính gắn với sức mạnh cơ bắp, gắn với sự chi phối, quyền hành và sức lực. Nam giới sử dụng bạo lực như là một biện pháp kỷ luật để thiết lập, duy trì quyền uy có liên hệ mật thiết với quan niệm nam tính ở Việt Nam. Đa số những người tham gia nghiên cứu đã trải nghiệm của tuổi thơ với những hình phạt đòn roi của người cha; người chồng được phép đánh vợ khi bị làm mất mặt với bạn bè bởi nhiệm vụ của người phụ nữ phải quảng bá hình ảnh nam tính của người chồng (UNDP, 2012). Vì thế, nguy cơ sử dụng quyền lực này vào trấn áp người vợ, con cái rất dễ xảy ra. Hơn nữa, nam giới cho phép mình được sử dụng bạo lực để thể hiện quyền uy. Chính vì bạo lực thể hiện nam tính cho nên xã hội dễ thông cảm với nam giới khi họ sử dụng bạo lực để thể

hiện uy quyền của mình hơn so với phụ nữ. Với cách tiếp cận này, bạo lực giới được xem “là minh chứng” cho sự nam tính của nam giới. Vì lẽ đó, để hạn chế bạo lực gia đình, bạo lực giới thì cần phải gỡ bỏ sự gán nhãn về hành vi, cử chỉ liên quan đến vai trò giới của mỗi cá nhân trong xã hội. Để làm được điều này, việc đẩy mạnh truyền thông về giới và bình đẳng giới là biện pháp quan trọng để thay đổi nhận thức và hành vi của mỗi cá nhân, xây dựng xã hội công bằng, tiến bộ và bình đẳng.

### 3. Kết luận

Các cách tiếp cận quyền lực giới thể hiện rằng, sự thiên lệch quyền lực giới xuất phát từ nhiều nguyên nhân và hệ quả của nó là có sự khác biệt trong việc thực hiện khuôn mẫu hành vi của phụ nữ và nam giới trong gia đình và xã hội. Tiếp cận về quyền lực giới đã góp phần lý giải tình trạng bạo lực giới. Điều đó được thể hiện nam giới thường nắm giữ nhiều quyền lực trong tay và được phép sử dụng các quyền này để kiểm soát người vợ, con cái trong gia đình. Bạo lực giới được xem như “sự minh chứng” về nam tính của nam giới trong gia đình. Vì thế, các nhà khoa học, các nhà quản lý, những người làm công tác thực tiễn về gia đình cần tham khảo các phương pháp tiếp cận quyền lực giới để có những giải pháp phù hợp trong hạn chế bạo lực gia đình và các hình thức bạo lực dựa trên cơ sở giới khác. Ngoài ra, tiếp cận này cũng gợi mở các hướng nghiên cứu mới cho các học giả quan tâm đến lĩnh vực giới và gia đình.

### Tài liệu tham khảo

- Kellerman, B. & Rohode, D. L. (2009). *Phụ nữ và quyền lãnh đạo*. Đồng Nai: Nxb Đồng Nai.
- B. Chris. (1999). *What is Feminism?* New York: Sage. pp. 311. ISBN 9780761963356.
- Mai Huy Bích và Lê Thị Kim Lan. (1999). Địa vị phụ nữ ngư dân ven biển miền Trung. *Tạp chí Xã hội học*, số 3 và 4, tr45-54
- Mai Huy Bích. (2009). *Giáo trình Xã hội học về giới*. Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội.
- C. Mác & Ph. Ăngghen. (1984), *Tuyển tập, tập 6: Nguồn gốc của gia đình, của sở hữu tư nhân và của nhà nước*. Hà Nội: Nxb Sự Thật.
- CEDAW Committee. (1992). Khuyến nghị chung số 19. Bạo lực đối với phụ nữ, Đoạn 1. Caroline O.N Moser (1996). *Kế hoạch hóa về giới và phát triển*. Hà Nội: Nxb Phụ nữ
- Ngô Thị Tuấn Dung. (2007). *Những vấn đề lý luận cơ bản về giới và kinh nghiệm giải quyết vấn đề giới của một số nước trên thế giới*. Báo cáo đề tài cấp bộ. Viện Gia đình và giới.
- Phạm Tất Dong & Lê Ngọc Hùng. (1997). *Xã hội học*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc Gia
- Lê Ngọc Hùng. (2008). “Động thái quyền lực giới. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”. *Tạp chí Nghiên cứu gia đình và giới*, số 5, trang 36-47
- Lê Ngọc Hùng. (2009). *Lịch sử và lý thuyết xã hội học hiện đại*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia.
- Lê Thị Thục. (2014). Ứng dụng lý thuyết tương tác biểu trưng và lý thuyết xung đột trong nghiên cứu xã hội học về giới”. *Tạp chí Xã hội học*, số 3, trang 87-93
- Liên Hiệp Quốc. (2014). *Từ bạo lực gia đình đến bạo lực giới tại Việt Nam: Mối liên hệ giữa các hình thức bạo lực*. Tài liệu thảo luận của Liên Hợp quốc. Hà Nội.

- 
- Lê Ngọc Văn. (2006). *Nghiên cứu gia đình và lý thuyết nữ quyền*. Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội.
- Nguyễn Hữu Minh, Trần Thị Minh Thi. (2019). Các yếu tố ảnh hưởng đến quyền quyết định của vợ và chồng đối với các công việc quan trọng của gia đình: Những phát hiện mới từ Điều tra Gia đình 2017”. *Tạp chí nghiên cứu gia đình và giới*, số 1, trang 3-17.
- Phan Thuận (2018). Mô hình quyền lực vợ chồng trong gia đình (nghiên cứu trường hợp ở An Giang. *Tạp chí khoa học phụ nữ*, số 3, trang 10-19.
- Tổng Cục Thống kê và UNDP. (2010), “*Chịu nhịn là*”: *Nghiên cứu quốc gia về bạo lực với phụ nữ Việt Nam*. Báo cáo tóm tắt. Hà Nội.
- UNDP. (2012). “*Dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về*”: Xu hướng, con đường hình thành lối sống bạo lực/phi bạo lực của nam giới tại thành phố Huế và huyện Phú Xuyên, Việt Nam. Hà Nội.
- Okley, A. (1974). *The sociology of Housework*. Oxford: Martin Robertson.
- E. Alice. (1989). *Daring to Be Bad: Radical Feminism in America, 1967–1975*. Minneapolis: University of Minnesota Press. ISBN 0-8166-1787-2.
- Hawkesworth, M.E. (2006). *Globalization and Feminist Activism*. Rowman & Littlefield. pp. 25–27. ISBN 9780742537835.
- H. Bell. (2000). *Feminism is for Everybody: Passionate Politics*. Pluto Press. ISBN 9780745317335.